| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2604 /BKHĐT-TCTK | *Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2022* |

V/v xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Kính gửi:
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cấp quốc gia (sau đây viết gọn là Kế hoạch thực hiện Chiến lược) và các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị mình.

Nhằm xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Quý Cơ quan đảm bảo bao phủ đầy đủ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được quy định trong Quyết định số 2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và gắn liền với thực tiễn công tác thống kê trong hệ thống thống kê nhà nước, đảm bảo Chiến lược được triển khai đồng bộ, đạt được các mục tiêu đề ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các mẫu Kế hoạch thực hiện Chiến lược:

- Mẫu số 01/QG: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cấp quốc gia;

- Mẫu số 02/BN: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;

- Mẫu số 03/ĐP: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược (phụ lục 1 kèm theo) để hướng dẫn Quý Cơ quan xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược (mẫu số 02/BN hoặc mẫu số 03/ĐP).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Để hoàn thiện dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia (mẫu số 01/QG), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan:

- Phân công đơn vị chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ làm việc với Quý Cơ quan trong khoảng thời gian từ ngày 20-30/4/2022 để hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược;

- Nghiên cứu mẫu số 01/QG và Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện mẫu số 02/BN hoặc mẫu số 03/ĐP[1] và gửi bản cứng về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bản mềm gửi tới hộp thư điện tử: vienkhoahoc@gso.gov.vn trước ngày 15/5/2022.

Trên cơ sở dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Quý Cơ quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thiện và ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia. Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia, kính đề nghị Quý Cơ quan hoàn thiện và ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị.

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược, nếu Quý Cơ quan có thắc mắc hoặc cần hỗ trợ, đề nghị liên hệ trực tiếp với Bà Hoàng Thu Hiền, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số điện thoại: 024 38350708 hoặc 0982392158.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCTK.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

[1] Để lấy bản mềm tài liệu đề nghị truy cập website Viện Khoa học Thống kê tại địa chỉ : http://vienthongke.vn/huong-dan-xay-dung-ke-hoach-thuc-hien-cltk21-30/

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Phụ lục 1:**

# HƯỚNG DẪN
# XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

*(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

## I. Mục đích

Nhằm hướng dẫn các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược để triển khai đầy đủ, thống nhất các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## II. Các mẫu Kế hoạch thực hiện Chiến lược

- Mẫu số 01/QG: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cấp quốc gia;

- Mẫu số 02/BN: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;

- Mẫu số 03/ĐP: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## III. Kết cấu của Kế hoạch thực hiện Chiến lược

Mẫu số 02/BN và mẫu số 03/ĐP có kết cấu giống nhau gồm 2 phần lớn.

Phần 1 ứng với mục I gồm các nội dung công việc để thực hiện các nhóm nhiệm vụ và giải pháp được quy định trong Chiến lược.

Phần 2 ứng với mục II gồm các nội dung công việc để triển khai, theo dõi, đánh giá, sơ kết và tổng kết Chiến lược.

Trong mỗi phần, các nội dung công việc có thể được chia thành nhiều cấp (từ cấp 1 đến cấp 6).

Các nội dung công việc trong phần 2 được quy định giống nhau trong mẫu số 02/BN, mẫu số 03/ĐP và do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

## IV. Cách xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược

### 1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược

- Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể quy định trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Căn cứ vào mẫu số 01/QG.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện chiến lược**

Cách xây dựng mẫu số 02/BN và mẫu số 03/ĐP như sau:

**2.1. Cột A: Số thứ tự và cột C: Mã số**

Cột A và cột C được quy định theo nguyên tắc

| Cột A: STT | Cột C: Mã số | Quy ước cấp công việc chi tiết |
|---|---|---|
| I | | |
| 1 | 01 | Cấp 1 |
| 1.1 | 011 | Cấp 2 |
| 1.1.1 | 0111 | Cấp 3 |
| 1.1.1.1 | 01111 | Cấp 4 |
| …. | | |
| 2 | 02 | Cấp 1 |
| 2.1 | 021 | Cấp 2 |
| 2.1.1 | 0211 | Cấp 3 |
| 2.1.1.1 | 02111 | Cấp 4 |
| …. | | |
| 10 | 10 | Cấp 1 |
| 10.1 | 101 | Cấp 2 |
| 10.1.1 | 1011 | Cấp 3 |
| ….. | | |

Số thứ tự và mã số được quy định theo nguyên tắc:

Mục số la mã: Có mục I và Mục II: Không đánh mã số

Mục 1, mục 2 được đánh mã số là tương ứng là 01 và 02; được quy ước là nội dung công việc cấp 1 (cấp cao nhất).

Nội dung công việc cấp 1 có thể được chi tiết đến cấp 6. Nguyên tắc đánh mã số của nội dung công việc theo bảng trên.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**2.2. Cột B: Nội dung công việc**

2.2.1. Nguyên tắc xác định các công việc chi tiết

- Giữ nguyên các công việc cấp 1 và cấp 2 tại mẫu số 01/QG, tùy vào thực tế triển khai Chiến lược tại đơn vị, Quý Cơ quan căn cứ vào nội dung công việc cấp cao hơn tại mẫu số 01/QG để xây dựng nội dung công việc chi tiết từ cấp 3 trở đi. Nội dung công việc có thể chi tiết tới cấp 4 cấp 5, cấp 6 (tùy thuộc vào tính chất công việc);

- Đối với các công việc có chu kỳ lặp lại thì liệt kê công việc theo từng chu kỳ (ghi tên theo chu kỳ hoặc bổ sung ví dụ như: lần 1, lần 2..);

- Công việc nào thuộc diện ưu tiên thì ghi trước.

2.2.2. Cách xác định các công việc chi tiết từ cấp 3 trở đi

Để xác định nội dung công việc cấp 3 trở đi, Quý Cơ quan cần hiểu rõ nội hàm của nội dung công việc cấp trên trực tiếp của nó. Từ đó, xác định nội dung các công việc chi tiết, thời gian thực hiện và sản phẩm của các công việc này.

Một số ví dụ cụ thể:

***Ví dụ 1:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 1.3.1. Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp (*cho công tác thống kê*) (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước.

***Ví dụ 2:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 1.4.4. Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 là các hình thức khuyến khích học tập đa dạng, phong phú nâng cao chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê

***Ví dụ 3:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 1.4.5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại tại Bộ, ngành và địa phương;

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm;

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch;

- Cử công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê do Tổng cục Thống kê tổ chức.

***Ví dụ 4:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.1. Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê (Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trực tuyến (webform); Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI); Ứng dụng thu thập thông tin theo hình thức phỏng vấn qua điện thoại với sự trợ giúp của máy tính (CATI));

- Giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến;

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê: xử lý dữ liệu điều tra trực tuyến; phân tích dữ liệu bằng các phần mềm thống kê hiện đại.

***Ví dụ 5:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.2. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Sử dụng dữ liệu hành chính về con người;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về thuế;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về hải quan;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về bảo hiểm.

***Ví dụ 6:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.3. Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng (Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ gia đình; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là doanh nghiệp; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ nông, lâm, thủy sản…);

- Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin (Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Chatbot; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Voicebot; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong đánh mã phân loại thống kê…).

***Ví dụ 7:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.4. Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá bất động sản; chỉ tiêu thống kê di cư nội địa từ nguồn dữ liệu điện thoại đi động…

- Nghiên cứu các giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.

***Ví dụ 8:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.2.1. Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Nghiên cứu và ứng dụng mô hình, công nghệ quản trị dữ liệu tập trung;

- Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê.

***Ví dụ 9:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.2.2. Xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương;

- Đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;

- Xây dựng nội dung Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

***Ví dụ 10:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.1.1 Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Thiết kế câu hỏi để người dùng tin trả lời trực tiếp truy cập vào trang thông tin điện tử (trả lời xong mới được quyền truy cập tiếp để khai thác thông tin); Rà soát lại phiếu điều tra, bổ sung hoặc loại câu hỏi không phù hợp.

- Nghiên cứu về Big data để tìm hiểu nhu cầu của người dùng tin về một lĩnh vực cụ thể: Nghiên cứu phương pháp luận, các công nghệ dữ liệu đặc biệt cho Big data như hệ sinh thái hadoop (phát triển mã nguồn mở cho máy tính, apache spark để tính toán cụm nguồn mở làm công cụ xử lý Big data, cơ sở dữ liệu trong bộ nhớ, cơ sở dữ liệu lưu trữ big data);

- Nghiên cứu kỹ năng về Big data và mở các lớp đào tạo về Big data.

***Ví dụ 11:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.2.1. Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Nghiên cứu tài liệu quốc tế về Khung lý thuyết, phương pháp, công cụ, mô hình phân tích;

- Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao kỹ năng phân tích thống kê; ứng dụng các mô hình phân tích, sử dụng công cụ, phần mềm tiên tiến hiện đại vào phân tích thống kê, ví dụ như phần mềm STATA, phần mềm R; bảng cân đối liên ngành IO…

***Ví dụ 12:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.2.2. Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Lựa chọn cơ sở dữ liệu vi mô phù hợp với mục đích phân tích và dự báo;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Xây dựng đề cương chuyên đề phân tích dự báo theo phương pháp lựa chọn, áp dụng mô hình, phương pháp phân tích đã nghiên cứu vào chuyên đề xác định.

***Ví dụ 13:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.3.1. Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Rà soát Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm;

- Tăng cường việc biên soạn các chỉ tiêu về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic trong các báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; các ấn phẩm chuyên đề thông tin thống kê.

***Ví dụ 14:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.3.2. Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng và chuẩn hóa maket của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào nhằm điện tử hóa maket;

- Nhập số liệu vào phần mềm, kiểm tra số liệu logic, cảnh báo các lỗi…

***Ví dụ 15:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.4.1. Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Sử dụng mạng xã hội, đài, báo, tạp chí, trang web của các Bộ, ngành để phổ biến thông tin thống kê;

- Biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm, thay thế cho nội dung thông tin thống kê cần phổ biến;

- Bổ sung thêm thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm để đa dạng nội dung phổ biến thông tin thống kê

***Ví dụ 16:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 9.1. Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30 (công việc cấp 2) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng dự toán và phân bổ kinh phí đối với từng hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chiến lược hàng năm;

- Huy động nguồn vốn hợp pháp các từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho hoạt động thống kê nhà nước theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược;

- Phân bổ kinh phí huy động được từ nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược.

***Ví dụ 17:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 9.3 Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công (công việc cấp 2) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia

***Ví dụ 18:*** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 9.4. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê (công việc cấp 2) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia;

- Xây dựng kế hoạch mua sắm phương tiện và trang thiết bị làm việc cho hệ thống thống kê tập trung;

- Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia.

**2.3. Cột D**: Cơ quan chủ trì

- Ghi tên các đơn vị thuộc Bộ, ngành được giao chủ trì công việc (đối với mẫu số 02/BN).

- Ghi tên các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao chủ trì công việc (đối với mẫu số 03/ĐP).

**2.4. Cột E**: Cơ quan phối hợp

Ghi tên các đơn vị thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh hoặc tên Bộ, ngành khác mà đơn vị chủ trì cần phối hợp để thực hiện công việc.

**2.5. Cột F**: Thời gian bắt đầu (cần ghi đến công việc cấp nhỏ nhất)

- Đối với giai đoạn 2021-2025: Ghi tháng/năm bắt đầu thực hiện đối với các công việc (ở cấp thấp nhất) có thời gian bắt đầu từ năm 2021 hoặc đã được triển khai trước năm 2021 nhưng vẫn đang tiếp tục thực hiện;

- Đối với giai đoạn 2026-2030: Ghi năm bắt đầu thực hiện

**2.6. Cột G**: Thời gian kết thúc (cần ghi đến công việc cấp nhỏ nhất)

- Đối với giai đoạn 2021-2025: Ghi tháng/năm hoàn thành công việc (bao gồm cả các công việc đã hoàn thành trong năm 2021);

- Đối với giai đoạn 2026-2030: Ghi năm hoàn thành công việc;

- Đối với các công việc thường xuyên, thời gian bắt đầu và kết thúc ghi là Hàng năm.

**2.7. Cột H**: Sản phẩm: Ghi cụ thể sản phẩm của các công việc chi tiết. Ví dụ: Quyết định, thông tư, quy chế, số lớp đào tạo, số lượt học viên, số lượng đề tài nghiên cứu,…

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 01/QG**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| | | | | | | | |
| I | **CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** | | | | | | |
| 1 | **Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực** | **01** | | | | | |
| 1.1 | Hoàn thiện thể chế | 011 | | | | | |
| 1.1.1 | Sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 0111 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành[1]; UBND cấp tỉnh[2] | 2027 | 2030 | Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được thông qua |
| 1.1.2 | Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 0112 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2022 | Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành |
| 1.1.2.1 | Xây dựng Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh , thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) | 01121 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 6/2022 | Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sảng phẩm trên địa bàn tỉnh , thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.1.2.2 | Xây dựng Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia | 01122 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 6/2022 | Nghị định quy định Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia |
| 1.1.2.3 | Xây dựng Quyết định ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | 01123 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 6/2022 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã |
| 1.1.2.4 | Xây dựng Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia | 01124 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 6/2022 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Chương trình điều tra thống kê quốc gia |
| 1.1.2.5 | Xây dựng Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 01125 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 12/2022 | Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 1.1.2.6 | Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành | 01126 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2025 | Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành được ban hành và đưa vào áp dụng |
| 1.1.2.7 | Xây dựng, hoàn thiện các bộ chỉ tiêu thống kê khác | 01127 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Thông tư của Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được ban hành |
| 1.1.2.8 | Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 01128 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.2 | Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức | 012 | | | | | |
| 1.2.1 | Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg | 0121 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Nội vụ | | 2022 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg |
| 1.2.2 | Kiện toàn mô hình tổ chức theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg | 0122 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2025 | - Quyết định phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;<br>- Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị;<br>- Công văn hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng. |
| 1.3 | Phát triển nguồn nhân lực | 013 | | | | | |
| 1.3.1 | Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp | 0131 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;<br>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.3.2 | Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin | 0132 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin;<br>Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê |
| 1.3.3 | Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn | 0133 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn |
| 1.3.4 | Biệt phái công chức thống kê | 0134 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2025 | 2030 | - Số lượng công chức được cử biệt phái;<br>- Đánh giá chất lượng công tác thống kê (cung cấp, phối hợp giữa Bộ, ngành với Tổng cục Thống kê) sau khi có công chức thống kê biệt phái. |
| 1.4 | Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng | 014 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.4.1 | Nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng | 0141 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | 2023 | 2030 | - Quyết định thành lập Trường Đại học Thống kê;<br>- Chương trình, tài liệu giảng dạy chương trình đại học;<br>- Đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến);<br>- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>- Số khóa đào tạo, số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng. |
| 1.4.2 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung | 0142 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2021 | 2030 | - Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sửa đổi được ban hành;<br>- Đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến);<br>- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>- Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm. |
| 1.4.3 | Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu | 0143 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | 2023 | 2030 | Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng |
| 1.4.4 | Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê | 0144 | Bộ, ngành | | | Hàng năm | Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.4.5 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương | 0145 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2023 | 2030 | - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>- Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm. |
| 1.4.6 | Hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng | 0146 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác | | Hàng năm | - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>- Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng. |
| 2 | **Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê** | **02** | | | | | |
| 2.1 | Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê | 021 | | | | | - Khung tiêu chuẩn chung;<br>- Khung tiêu chuẩn chi tiết. |
| 2.1.1 | Nghiên cứu xây dựng khung chung về tiêu chuẩn thống kê | 0211 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2025 | Khung chung về tiêu chuẩn thống kê |
| 2.1.2 | Rà soát các tiêu chuẩn thống kê hiện có | 0212 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2025 | Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê hiện có |
| 2.1.3 | Xây dựng, chuẩn hóa các tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn thống kê quốc tế và phù hợp với Việt Nam | 0213 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2025 | Thông tư do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ban hành Tiêu chuẩn thống kê theo các lĩnh vực |
| 2.2 | Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê | 022 | | | | | |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 2.2.1 | Biên soạn tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê | 0221 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2025 | Tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê được ban hành |
| 2.2.2 | Công bố, phổ biến, xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật các tiêu chuẩn thống kê | 0222 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2025 | Các tiêu chuẩn thống kê được công bố, phổ biến |
| 2.2.3 | Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê | 0223 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2025 | 2030 | Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| 2.3 | Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê | 023 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2023 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành:<br>- Quy trình sản xuất thông tin thống kê (Quy trình chung và quy trình chi tiết);<br>- Quy trình sản xuất thông tin thống kê theo từng nguồn dữ liệu/hình thức thu thập thông tin |
| 2.4 | Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê | 024 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| 2.5 | Nghiên cứu , xây dựng, ban hành và áp dụng các mô hình thống kê hiện đại | 025 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.1.3 | Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra | 0313 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu;<br>- Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra;<br>- Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin. |
| 3.1.4 | Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê | 0314 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;<br>- Chỉ số giá bất động sản được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;<br>- Chỉ tiêu thống kê di cư nội địa được biên soạn từ nguồn dữ liệu điện thoại di động;<br>- Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê. |
| 3.2 | Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu | 032 | | | | | |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.2.1 | Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở | 0321 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hệ thống quản trị dữ liệu tiên tiến, hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu:<br>- Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;<br>- Báo cáo đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê... |
| 3.2.2 | Xây dựng Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0322 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | - Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương;<br>- Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;<br>- Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;<br>- Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.2.3 | Xây dựng Trung tâm dữ liệu thống kê | 0323 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2025 | Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất |
| 3.2.4 | Xây dựng cơ chế cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu thống kê của Trung tâm dữ liệu | 0324 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | | | - Quy chế, quy định cung cấp dữ liệu thống kê;<br>- Quy chế, quy định khai thác, chia sẻ dữ liệu. |
| **4** | **Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê** | **04** | | | | | |
| 4.1 | Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê | 041 | | | | | |
| 4.1.1 | Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê | 0411 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Phương pháp, hình thức và công cụ xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê mới được áp dụng |
| 4.2 | Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê | 042 | | | | | |
| 4.2.1 | Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại | 0421 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.2.2 | Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại | 0422 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại. |
| 4.3 | Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê | 043 | | | | | |
| 4.3.1 | Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê | 0431 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới |
| 4.3.2 | Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê | 0432 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng |
| 4.3.3 | Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê | 0433 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết;<br>- Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam;<br>- Năm 2030: 95% |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.3.4 | Nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế | 0434 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | Số lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn và công bố đầy đủ các phân tổ |
| 4.4 | Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê | 044 | | | | | |
| 4.4.1 | Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê | 0441 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa |
| 4.4.2 | Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê | 0442 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2024 | Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê được vận hành |
| 4.5 | Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê | 045 | | | | | |
| 4.5.1 | Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của thống kê | 0451 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | | - Kế hoạch tuyên truyền;<br>- Tài liệu tuyên truyền;<br>- Các bài viết trên báo in, báo điện tử;<br>- Các phóng sự, chuyên đề trên truyền hình, đài tiếng nói Việt Nam. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.5.2 | Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê | 0452 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | 2022 | 2030 | Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội;<br>Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê |
| 4.5.3 | Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê | 0453 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | 2022 | 2030 | -Số lần tương tác;<br>-Ý kiến phản hồi;<br>-Các tài liệu hướng dẫn. |
| **5** | **Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê** | **05** | | | | | |
| 5.1 | Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê | 051 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 | 2030 | - Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê;<br>- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia;<br>- Kế hoạch triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia. |
| 5.2 | Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê | 052 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.LuatVienPhap.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 5.2.1 | Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số | 0521 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 | 2030 | - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung;<br>- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê;<br>- Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê. |
| 5.2.2 | Tập trung nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê | 0522 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2030 | - Phần mềm quản lý công việc;<br>- Phần mềm quản lý họp, hội thảo;<br>- Phần mềm quản lý đăng ký đi công tác;<br>- Phần mềm quản lý Kiến nghị;<br>- Phần mềm quản lý công tác cán bộ;<br>- Phần mềm quản lý tài chính;<br>- Phần mềm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra;<br>- Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê. |
| 5.3 | Tư liệu hóa công tác thống kê | 053 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 5.3.1 | Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê | 0531 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | 2022 | 2030 | - Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê được cập nhật;<br>- Cổng thông tin điện tử. |
| 5.3.2 | Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng | 0532 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | 2022 | 2030 | - Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa;<br>- Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa;<br>- Sách điện tử. |
| **6** | **Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê** | **06** | | | | | |
| 6.1 | Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế | 061 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 6.1.1 | Duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển; tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các quốc gia có trình độ thống kê phát triển | 0611 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2021 | 2030 | - Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm được ban hành;<br>- Số lượng các cuộc họp xúc tiến hợp tác song phương và đa phương;<br>- Số lượng các quốc gia có trình độ thống kê phát triển, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tài trợ/cung cấp hỗ trợ trên các lĩnh vực thống kê;<br>- Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam tham gia hội thảo quốc tế/học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước;<br>- Số lượng các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương được ký kết;<br>- Số lượng các đoàn đối tác nước ngoài vào làm việc về thống kê. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.LuatVienPhap.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 6.1.2 | Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của thống kê Liên hợp quốc và khu vực | 0612 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2021 | 2030 | khóa đào tạo của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực ASEAN được Tổng cục Thống kê tham gia<br>Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực;<br>Số nhóm công tác và số lĩnh vực thống kê chuyên ngành mà Tổng cục Thống kê là thành viên hoặc tham gia; |
| 6.1.3 | Đẩy mạnh cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới | 0613 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2021 | 2030 | Số lượng các đoàn khảo sát được Tổng cục Thống kê tiếp nhận;<br>Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới;<br>Số lượng các khóa đào tạo thống kê được cung cấp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT Tel: +84-28-3930 3279 www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 6.1.4 | Tăng cường nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực và thế giới | 0614 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2021 | 2030 | - Số lượng các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phổ biến tới các nước và các tổ chức quốc tế;<br>- Video clip giới thiệu Thống kê Việt Nam được trình chiếu tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế trong và ngoài nước;<br>- Số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê do TCTK VN đăng cai/phối hợp tổ chức. |
| 6.2 | Nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài, đảm bảo so sánh quốc tế | 062 | | | | | |
| 6.2.1 | Đẩy mạnh biên soạn và phổ biến thông tin thống kê Việt Nam cho quốc tế | 0621 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2021 | 2030 | Thông tin, bảng biểu số liệu thống kê của Việt Nam được biên soạn theo chuẩn mực chung của từng chương trình tham gia và phổ biến/cung cấp kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng dùng tin quốc tế;<br>Số lượng các chương trình thống kê khu vực và quốc tế được Tổng cục Thống kê/bộ, ngành cung cấp thông tin thống kê của Việt Nam. |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 6.2.2 | Thu thập, biên soạn, phổ biến số liệu và kiến thức thống kê của các nước và các Tổ chức quốc tế cho người dùng tin | 0622 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2021 | 2030 | - Các báo cáo, bảng biểu số liệu thống kê, Niên giám Thống kê, các ấn phẩm thống kê được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời;<br>- Các tài liệu về thống kê quốc tế được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời;<br>- Số lượng tài liệu, báo cáo của các đoàn đi công tác nước ngoài được lưu trữ và sử dụng. |
| 6.2.3 | Nghiên cứu, thu thập, phổ biến các đánh giá, xếp hạng và xu hướng phát triển hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế đối với Thống kê Việt Nam | 0623 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2021 | 2030 | Nhận định, đánh giá, xếp hạng vị thế của thống kê Việt Nam của các tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam;<br>Báo cáo/đề tài về xu hướng phát triển hoạt động thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam. |
| 6.3 | Tăng cường vận động, sử dụng hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30 | 063 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 6.3.1 | Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30 | 0631 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2021 | 2030 | Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành. |
| 6.3.2 | Cập nhật và hoàn thiện Quy chế quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài (viết gọn là Quy chế ODA) và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê | 0632 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | 2022 | Quy chế ODA và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn ngành |
| 6.3.3 | Nâng cao trình độ, năng lực cho các công chức thực hiện và quản lý dự án | 0633 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2030 | Số lượng công chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngoại ngữ, quản lý, đấu thầu dự án,… và được cấp chứng chỉ |
| **7** | **Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo** | **07** | | | | | |
| 7.1 | Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học | 071 | | | | | |
| 7.1.1 | Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến | 0711 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 7.1.2 | Nghiên cứu khoa học dữ liệu, dữ liệu mới | 0712 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về khoa học dữ liệu, dữ liệu mới được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê. |
| 7.1.3 | Nghiên cứu, áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh | 0713 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê. |
| 7.1.4 | Nghiên cứu các chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt | 0714 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê. |
| 7.2 | Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo | 072 | | | | | |
| 7.2.1 | Mở rộng các hoạt động hợp tác | 0721 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | Số lượng các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. |
| 7.2.2 | Hình thành mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 0722 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2030 | Mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được hình thành |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| **8** | **Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê** | **08** | | | | | |
| 8.1 | Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước | 081 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Hàng năm | - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra;<br>- Kết luận thanh tra;<br>- Thông báo kết quả kiểm tra. |
| 8.2 | Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố | 082 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Hàng năm | - Báo cáo kết quả kiểm tra;<br>- Thông báo kết quả kiểm tra. |
| 8.3 | Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập | 083 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Hàng năm | - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát;<br>- Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát. |
| **9** | **Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê** | **09** | | | | | |
| 9.1 | Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30 | 091 | | | | | |
| 9.1.1 | Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược | 0911 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | - Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt;<br>- Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 9.1.2 | Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước | 0912 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược. |
| 9.2 | Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê | 092 | | | | | |
| 9.2.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia | 0921 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt. |
| 9.2.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia | 0922 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2030 | Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ. |
| 9.2.3 | Xây dựng trụ sở làm việc cho các đơn vị thuộc hệ thống thống kê tập trung | 0923 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2022 | 2030 | Hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống thống kê tập trung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt. |
| 9.3 | Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công | 093 | | | 2022 | 2030 | Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng. |
| 9.3.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0931 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt. |
| 9.3.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0932 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ. |
| 9.4 | Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê | 094 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 9.4.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê) | 0941 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | - Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt;<br>- Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường. |
| 9.4.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia | 0942 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường |
| **II** | **CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC** | | | | | | |
| **10** | **Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược** | **10** | | | | | |
| 10.1 | Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 | 101 | | | | | |
| 10.1.1 | Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 cấp Trung ương | 1011 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | | 2022; 2025 | Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương |
| 10.1.2 | Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 1012 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022 | Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 10.2 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 | 102 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 10.2.1 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung | 1021 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Tháng 3/2022; 2026 | Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được ban hành |
| 10.2.2 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh | 1022 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022; 2026 | Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được ban hành |
| 10.3 | Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược | 10.3 | | | | | |
| 10.3.1 | Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược cấp quốc gia | 1031 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Tháng 6/2022 | (01 hội nghị do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì) |
| 10.3.2 | Hội nghị cấp Bộ, ngành do các Bộ, ngành chủ trì | 1032 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022 | 01 hội nghị do Bộ, ngành chủ trì |
| 10.3.3 | Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND cấp tỉnh chủ trì | 1033 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022 | 01 hội nghị do UBND cấp tỉnh chủ trì |
| **11** | **Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược** | **11** | | | | | |
| 11.1 | Xây dựng Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30 | 111 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Tháng 3/2022 | Tháng 6/2022 | Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30 |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 11.2 | Biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30 | 112 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 7/2022 | Tháng 12/2022 | Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30 |
| 11.3 | Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 11.3 | | | | | |
| 11.3.1 | Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 1131 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Tháng 01/2023 | Tháng 6/2023 | Phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 được xây dựng và triển khai áp dụng |
| 11.3.2 | Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 1132 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm |
| 11.4 | Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30 | 11.4 | | | | | |
| 11.4.1 | Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30 | 1141 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm |
| 11.4.2 | Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình TTCP | 1142 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2023; 2027 | Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình TTCP |

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 11.4.3 | Sơ kết thực hiện CLTK21-30 | 1143 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Tháng 9/2025 | Tháng 03/2026 | Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025);<br>Báo cáo sơ kết quốc gia (Tháng 03/2026);<br>Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30 (Tháng 3/2026) |
| 11.4.4 | Tổng kết thực hiện CLTK21-30 | 1144 | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | Tháng 7/2030 | Tháng 12/2030 | Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 7-10/2030);<br>Báo cáo tổng kết quốc gia (Tháng 12/2030);<br>Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30 (Tháng 12/2030) |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

**Mẫu số 02/BN**

**BỘ .....**

**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| I | **CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** | | | | | | |
| 1 | **Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực** | **01** | | | | | |
| 1.1 | Hoàn thiện thể chế | 011 | | | | | |
| 1.1.2 | Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 0112 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2022 | Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành |
| 1.1.2.6 | Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành | 01126 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2025 | Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành được ban hành và đưa vào áp dụng |
| 1.1.2.7 | Xây dựng, hoàn thiện các bộ chỉ tiêu thống kê khác | 01127 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.1.2.8 | Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 01128 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất |
| 1.3 | Phát triển nguồn nhân lực | 013 | | | | | |
| 1.3.1 | Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp | 0131 | Bộ, ngành | | | Hàng năm | - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;<br>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao. |
| 1.3.2 | Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin | 0132 | Bộ, ngành | | | Hàng năm | Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin;<br>Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê |
| 1.3.3 | Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn | 0133 | Bộ, ngành | | | Hàng năm | Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.4 | Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực | 014 | | | | | |
| 1.4.4 | Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê | 0144 | Bộ, ngành | | | Hàng năm | Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao. |
| 1.4.5 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương | 0145 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2023 | 2030 | - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>- Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm. |
| 2 | **Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê** | **02** | | | | | |
| 2.2 | Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê | 022 | | | | | |
| 2.2.3 | Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê | 0223 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2025 | 2030 | Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| 2.4 | Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê | 024 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| **3** | **Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu** | **03** | | | | | |
| 3.1 | Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu | 031 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.1.1 | Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê | 0311 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê;<br>- Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử. |
| 3.1.2 | Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê | 0312 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính |
| 3.1.3 | Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra | 0313 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu;<br>- Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra;<br>- Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin. |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.1.4 | Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê | 0314 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;<br>- Chỉ số giá bất động sản được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;<br>- Chỉ tiêu thống kê di cư nội địa được biên soạn từ nguồn dữ liệu điện thoại đi động;<br>- Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê. |
| 3.2 | Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu | 032 | | | | | |
| 3.2.1 | Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở | 0321 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hệ thống quản trị dữ liệu tiên tiến, hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu:<br>- Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;<br>- Báo cáo đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê<br>... |
| **4** | **Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê** | **04** | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.1 | Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê | 041 | | | | | |
| 4.1.1 | Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê | 0411 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Phương pháp, hình thức và công cụ xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê mới được áp dụng |
| 4.2 | Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê | 042 | | | | | |
| 4.2.1 | Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại | 0421 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng |
| 4.2.2 | Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại | 0422 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại. |
| 4.3 | Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê | 043 | | | | | |
| 4.3.1 | Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê | 0431 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới |
| 4.3.2 | Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê | 0432 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.3.3 | Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê | 0433 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết;<br>- Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam;<br>- Năm 2030: 95% |
| 4.4 | Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê | 044 | | | | | |
| 4.4.1 | Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê | 0441 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa |
| **9** | **Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê** | **09** | | | | | |
| 9.1 | Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30 | 091 | | | | | |
| 9.1.1 | Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược | 0911 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | - Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt;<br>- Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt. |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 9.1.2 | Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê | 0912 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược. |
| 9.3 | Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công | 093 | | | 2022 | 2030 | Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng |
| 9.3.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0931 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt. |
| 9.3.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0932 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ. |
| 9.4 | Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê | 094 | | | 2022 | 2030 | |
| 9.4.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê) | 0941 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | - Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt;<br>- Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường. |
| 9.4.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia | 0942 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường |

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| **II** | **CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30** | | | | | | |
| **10** | **Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược** | 10 | | | | | |
| 10.2 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 | 102 | | | | | |
| 10.2.2 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ ngành, địa phương | 1022 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022; 2026 | Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ ngành, địa phương được ban hành |
| 10.3 | Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược | 103 | | | | | |
| 10.3.2 | Hội nghị cấp Bộ, ngành do các Bộ, ngành chủ trì | 1032 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022 | 01 hội nghị do Bộ, ngành chủ trì |
| **11** | **Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược** | 11 | | | | | |
| 11.3 | Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 113 | | | | | |
| 11.3.2 | Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 1132 | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 11.4 | Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30 | 114 | | | | | |
| 11.4.1 | Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30 | 1141 | Bộ, ngành | | | Hàng năm | Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm |
| 11.4.3 | Sơ kết thực hiện CLTK21-30 | 1143 | Bộ, ngành | | Tháng 9/2025 | Tháng 12/2025 | Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025) |
| 11.4.4 | Tổng kết thực hiện CLTK21-30 | 1144 | Bộ, ngành | | Tháng 7/2030 | Tháng 10/2030 | Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 7-10/2030) |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

**Mẫu số 03/ĐP**

**UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| I | **CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** | | | | | | |
| 1 | **Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực** | **01** | | | | | |
| 1.1 | Hoàn thiện thể chế | 011 | | | | | |
| 1.1.2 | Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 0112 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh | | 2022 | Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành |
| 1.1.2.8 | Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê | 01128 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất |
| 1.3 | Phát triển nguồn nhân lực | 013 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.3.1 | Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê | 0131 | UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;<br>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao. |
| 1.3.2 | Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin | 0132 | UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin;<br>Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê |
| 1.3.3 | Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ[5] cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn | 0133 | UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn |
| 1.4 | Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực | 014 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.4.5 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương | 0145 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2023 | 2030 | - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;<br>- Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm. |
| 2 | **Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê** | **02** | | | | | |
| 2.2 | Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê | 022 | | | | | |
| 2.2.3 | Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê | 0223 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2025 | 2030 | Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| 2.4 | Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê | 024 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| **3** | **Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu** | **03** | | | | | |
| 3.1 | Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu | 031 | | | | | |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT *

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.1.1 | Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê | 0311 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê;<br>- Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử. |
| 3.1.2 | Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê | 0312 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính |
| 3.1.3 | Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra | 0313 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | - Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu;<br>- Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra;<br>- Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin. |
| **4** | **Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê** | **04** | | | | | |

LawSoft * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.2 | Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê | 042 | | | | | |
| 4.2.2 | Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại | 0422 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại. |
| 4.3 | Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê | 043 | | | | | |
| 4.3.1 | Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê | 0431 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới |
| 4.3.2 | Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê | 0432 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng |
| 4.4 | Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê | 044 | | | | | |
| 4.4.1 | Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê | 0441 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 | 2030 | Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa |
| **9** | **Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê** | **09** | | | | | |
| 9.1 | Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30 | 091 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 9.1.1 | Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược | 0911 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | - Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt;<br>- Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt. |
| 9.1.2 | Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước | 0912 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược. |
| 9.3 | Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công | 093 | | | 2022 | 2030 | Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng |
| 9.3.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0931 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt. |
| 9.3.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia | 0932 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ. |
| 9.4 | Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê | 094 | | | | | |
| 9.4.1 | Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê) | 0941 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | - Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt;<br>- Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường. |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 9.4.2 | Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia | 0942 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2024 | 2030 | Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường |
| **II** | **CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30** | | | | | | |
| **10** | **Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược** | 10 | | | | | |
| 10.1 | Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 | 101 | | | | | |
| 10.1.2 | Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 1012 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022 | Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 10.2 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 | 102 | | | | | |
| 10.2.2 | Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương | 1022 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022; 2026 | Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được ban hành |
| 10.3 | Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược | 103 | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 10.3.3 | Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì | 1033 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 6/2022 | 01 hội nghị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì |
| **11** | **Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược** | 11 | | | | | |
| 11.3 | Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 113 | | | | | |
| 11.3.2 | Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 | 1132 | UBND cấp tỉnh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm |
| 11.4 | Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30 | 114 | | | | | |
| 11.4.1 | Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30 | 1141 | UBND cấp tỉnh | | | Hàng năm | Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm |
| 11.4.3 | Sơ kết thực hiện CLTK21-30 | 1143 | UBND cấp tỉnh | | Tháng 9/2025 | Tháng 12/2025 | Báo cáo sơ kết của địa phương (Từ Tháng 9-12/2025) |
| 11.4.4 | Tổng kết thực hiện CLTK21-30 | 1144 | UBND cấp tỉnh | | Tháng 7/2030 | Tháng 10/2030 | Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ Tháng 7-10/2030) |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com